

THÔNG TƯ

Quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công Thương địa phương,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định, hướng dẫn về Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp; đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; chế độ báo cáo, cơ sở dữ liệu và các mẫu văn bản, quy chế quản lý về cụm công nghiệp quy định tại Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.
2. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến quản lý, hoạt động của cụm công nghiệp.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 3. Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp

1. Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp được lập trên địa bàn cấp tỉnh (sau đây gọi là Quy hoạch) thuộc nhóm quy hoạch ngành kết cấu hạ tầng sản xuất; được lập cho mỗi giai đoạn 10 năm, có xét triển vọng 10 năm tiếp theo.

2. Thời hạn xem xét điều chỉnh Quy hoạch thực hiện 5 năm 1 lần; trừ trường hợp cần thiết Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trao đổi, thống nhất với Bộ Công Thương.

Điều 4. Đề cương và dự toán kinh phí lập Quy hoạch

1. Đề cương, dự toán kinh phí lập Quy hoạch được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xác định định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu.

2. Sở Công Thương tổ chức lập, thẩm định đề cương, dự toán kinh phí lập Quy hoạch, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt. Việc thẩm định đề cương, dự toán kinh phí được thực hiện theo hình thức lấy ý kiến các Sở, ngành, cơ quan liên quan.

3. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh đề cương, dự toán kinh phí lập Quy hoạch, Sở Công Thương báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Điều 5. Lập Quy hoạch

1. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện lập Quy hoạch. Sở Công Thương có thể mời chuyên gia, thuê tư vấn để lập Quy hoạch. Trường hợp thuê tư vấn, Sở Công Thương tổ chức lựa chọn cơ quan, tổ chức tư vấn theo quy định của pháp luật đấu thầu.

2. Trong quá trình lập Quy hoạch, Sở Công Thương tổ chức thực hiện các bước báo cáo trung gian, lấy ý kiến của các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, tổ chức, cá nhân có liên quan và hoàn chỉnh Quy hoạch.

Điều 6. Hồ sơ Quy hoạch

Hồ sơ Quy hoạch gồm:

1. Dự thảo Tờ trình của Sở Công Thương đề nghị phê duyệt Quy hoạch;
2. Dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch;

3. Báo cáo Quy hoạch đã hoàn thiện sau khi lấy ý kiến của các cơ quan liên quan (gồm báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt);

4. Báo cáo tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến của các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, tổ chức, cá nhân liên quan;

5. Văn bản góp ý của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, tổ chức, cá nhân liên quan;

6. Quyết định phê duyệt đề cương, dự toán kinh phí;

7. Các văn bản, tài liệu khác (nếu có).

Điều 7. Thẩm định Quy hoạch

1. Việc thẩm định Hồ sơ Quy hoạch do Hội đồng thẩm định Quy hoạch thực hiện. Hội đồng thẩm định tổ chức họp thẩm định Hồ sơ Quy hoạch, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về kết quả thẩm định.

Sau khi hoàn thành Hồ sơ Quy hoạch, Sở Công Thương báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định Quy hoạch. Hội đồng thẩm định gồm: Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, 1 Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng là Lãnh đạo Sở Công Thương, 1 Phó Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, 1 Thư ký Hội đồng, 2 thành viên phản biện là chuyên gia trong lĩnh vực liên quan và các thành viên khác là đại diện Sở Tài nguyên và môi trường, một số sở, ngành, tổ chức liên quan.

2. Sở Công Thương có trách nhiệm:

a) Gửi Hồ sơ Quy hoạch tới các thành viên Hội đồng trước ngày họp thẩm định ít nhất 5 ngày làm việc;

b) Triển khai thực hiện kết luận của Hội đồng thẩm định;

c) Lập Tờ trình phê duyệt Quy hoạch kèm theo dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch và thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan.

Điều 8. Phê duyệt Quy hoạch

1. Sau khi hoàn thiện Hồ sơ Quy hoạch theo kết luận của Hội đồng thẩm định, Sở Công Thương báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký văn bản đề nghị Bộ Công Thương có ý kiến thỏa thuận.

2. Trình tự, hồ sơ đề nghị thỏa thuận và phê duyệt Quy hoạch thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 6 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

Mục 2

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 9. Quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp thực hiện theo quy định về quy hoạch chi tiết khu chức năng đặc thù tại Luật Xây dựng, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng, Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

2. Việc xác định và quản lý chi phí quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp thực hiện theo Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

3. Lựa chọn đơn vị tư vấn lập quy hoạch chi tiết xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật đấu thầu.

Điều 10. Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Đối với cụm công nghiệp được quyết định thành lập, mở rộng theo thủ tục, quy định tại Nghị định số 68/2017/NĐ-CP thì dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp không phải thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư.

2. Nội dung, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

3. Khi lập dự án đầu tư xây dựng công trình, chủ đầu tư tiến hành đồng thời lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. Nội dung, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

Điều 11. Nhiệm vụ của đơn vị được giao làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP

1. Trường hợp trên địa bàn cấp huyện không có Trung tâm phát triển cụm công nghiệp và không thành lập Ban Quản lý cụm công nghiệp thì Ủy

ban nhân dân cấp tỉnh giao đơn vị sự nghiệp công lập hiện có trực thuộc Sở Công Thương làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

2. Nhiệm vụ của đơn vị được giao làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP gồm:

a) Tham gia điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp, báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; tổ chức lập, quản lý quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp;

b) Tổ chức triển khai, quản lý, đảm bảo tiến độ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; đề xuất cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án huy động vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo quy định;

c) Quản lý, vận hành, bảo dưỡng và đảm bảo hoạt động thường xuyên của hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật chung và tổ chức cung cấp các dịch vụ, tiện ích trong cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật;

d) Xúc tiến đầu tư, hướng dẫn thủ tục triển khai các dự án đầu tư, cơ sở sản xuất di dời vào cụm công nghiệp; hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp;

đ) Thực hiện nhiệm vụ khác do cơ quan có thẩm quyền giao và theo quy định của pháp luật.

Mục 3

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, MẪU VĂN BẢN, QUY CHẾ QUẢN LÝ VỀ CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 12. Chế độ báo cáo về cụm công nghiệp

1. Đối tượng thực hiện chế độ báo cáo:

a) Cục Công Thương địa phương;

b) Sở Công Thương;

c) Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Cơ quan thống kê cấp huyện;

d) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp;

đ) Các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp.

2. Chế độ báo cáo định kỳ:

a) Định kỳ trước ngày 20 các tháng 4, 7, 10 hàng năm và tháng 1 năm sau, các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh trong 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và cả năm theo

Biểu 01 Phụ lục 1 Thông tư này, gửi Cơ quan thống kê cấp huyện và sao gửi Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Định kỳ trước ngày 20 tháng 7 hàng năm và tháng 1 năm sau, chủ đầu tư báo cáo tình hình hoạt động của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trong 6 tháng và cả năm theo Biểu 02 Phụ lục 1 Thông tư này, gửi Cơ quan Thống kê cấp huyện và sao gửi Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở Công Thương.

c) Định kỳ trước ngày 25 tháng 7 hàng năm và tháng 1 năm sau, Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo tình hình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh tại các cụm công nghiệp trên địa bàn trong 6 tháng và cả năm theo Biểu 03 Phụ lục 1 Thông tư này, gửi Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

d) Định kỳ trước ngày 31 tháng 7 hàng năm và tháng 1 năm sau, Sở Công Thương báo cáo tình hình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh tại các cụm công nghiệp trên địa bàn trong 6 tháng và cả năm theo Biểu 04 Phụ lục 1 Thông tư này, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cục Công Thương địa phương.

đ) Định kỳ trước ngày 31 tháng 3 năm sau, Cục Công Thương địa phương tổng hợp, báo cáo Bộ Công Thương tình hình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh tại các cụm công nghiệp của cả nước.

3. Các đối tượng thực hiện chế độ báo cáo định kỳ bằng văn bản và thông qua cập nhật dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp (đối với Cục Công Thương địa phương, Sở Công Thương, Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện). Ngoài ra, các đối tượng thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 13. Xây dựng, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp

1. Cục Công Thương địa phương tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước; hướng dẫn Sở Công Thương cập nhật dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước.

2. Sở Công Thương tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành và hướng dẫn Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện cập nhật dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh; có trách nhiệm cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu cụm công nghiệp trên địa bàn vào Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước.

3. Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu cụm công nghiệp trên địa bàn vào Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh.

Điều 14. Các mẫu văn bản, quy chế quản lý về cụm công nghiệp

Các mẫu văn bản, quy chế quản lý về cụm công nghiệp tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này để các địa phương căn cứ áp dụng cho phù hợp thực tế.

**Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 15. Trách nhiệm của Cục Công Thương địa phương**

Cục Công Thương địa phương là cơ quan đầu mối giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương quản lý nhà nước về cụm công nghiệp trên phạm vi cả nước quy định tại Điều 35 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP; có trách nhiệm hướng dẫn, xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Thông tư này.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm quản lý cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

2. Đầu mối giúp Ủy ban nhân cấp tỉnh quản lý nhà nước về cụm công nghiệp trên địa bàn theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành báo cáo Ủy ban nhân cấp tỉnh quyết định lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; tham gia thẩm định quy hoạch chi tiết xây dựng, dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, báo cáo đánh giá tác động môi trường cụm công nghiệp; chủ trì, phối hợp thẩm định chủ trương đầu tư dự án sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp theo quy định, phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy chế, quy định phối hợp các sở, ngành, Ủy ban nhân cấp huyện về quản lý, giải quyết các thủ tục triển khai đầu tư theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đối với:

a) Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (gồm: cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thu hồi đất, cho thuê đất, phê duyệt quy hoạch chi tiết, phê duyệt dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, chấp thuận phương án phòng cháy, chữa cháy);

b) Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp (gồm: quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thu hồi đất, cho thuê đất, cấp giấy phép xây dựng, chấp thuận phương án phòng cháy, chữa cháy, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường).

Điều 17. Trách nhiệm của Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

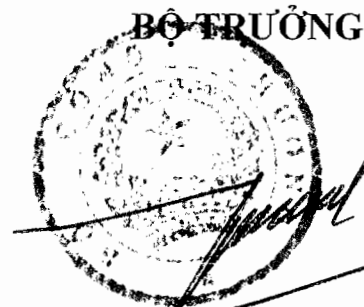
Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện là đơn vị đầu mối giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn theo quy định Điều 44 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày **16** tháng **10** năm 2017.
2. Thông tư này thay thế Thông tư số 39/2009/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Bộ Công Thương quy định thực hiện một số nội dung của Quy chế quản lý cụm công nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ; bãi bỏ chế độ báo cáo cụm công nghiệp tại Biểu số 05/SCT-BCT ban hành kèm theo Thông tư số 41/2016/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương quy định chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các quy định của Bộ Công Thương trái với quy định tại Thông tư này.
3. Trường hợp ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới thay thế văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Thông tư này thì áp dụng quy định tại văn bản mới.
4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân liên quan gửi ý kiến về Bộ Công Thương (qua Cục Công Thương địa phương) để tổng hợp, xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Công báo; Website Chính phủ; Website Bộ CT;
- Lưu: VT, CTĐP, PC.



Trần Tuấn Anh

Phụ lục 1. Danh mục các biểu báo cáo về cụm công nghiệp

(Kèm theo Thông tư số 15 /2017/TT-BCT ngày 31 / 8 /2017 của Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP)

Biểu 01	Tình hình hoạt động dự án đầu tư trong cụm công nghiệp
Biểu 02	Tình hình hoạt động của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp
Biểu 03	Tổng hợp tình hình cụm công nghiệp trên địa bàn cấp huyện
Biểu 04	Tổng hợp tình hình cụm công nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh

www.LuatVietnam.vn

Biểu 01. Tình hình hoạt động của dự án đầu tư trong cụm công nghiệp

Đơn vị gửi báo cáo: Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp

Ngành nghề kinh doanh:

Đơn vị nhận báo cáo: Cơ quan Thống kê cấp huyện, Phòng quản lý chuyên môn công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

Kỳ báo cáo: 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và cả năm

Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 20 của tháng đầu tiên sau kỳ báo cáo

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Doanh thu của dự án trong kỳ báo cáo	Tỷ đồng		
2	Số nộp Ngân sách nhà nước của dự án trong kỳ báo cáo	Tỷ đồng		
3	Lao động đang làm việc thường xuyên tại dự án trong kỳ báo cáo	Người		
4	Thu nhập bình người lao động của dự án trong kỳ báo cáo	Triệu đồng/người/tháng		

..., ngày ... tháng ... năm ...
Người đại diện theo pháp luật
(ký tên, đóng dấu)

Biểu 02. Tình hình hoạt động của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

Đơn vị gửi báo cáo: Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

Đơn vị nhận báo cáo: Cơ quan Thống kê cấp huyện, Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Công Thương

Kỳ báo cáo: 6 tháng và cả năm

Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 20 của tháng đầu tiên sau kỳ báo cáo

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng mức đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo dự án đã được duyệt	Tỷ đồng		
2	Tổng vốn đã đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật	Tỷ đồng		
3	Diện tích đất công nghiệp của dự án đã xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đủ điều kiện cho thuê)	Ha		
4	Diện tích đất công nghiệp dự án đã cho thuê	Ha		
5	Số dự án (DA)/doanh nghiệp (DN) đã thuê đất hoạt động trong cụm công nghiệp	DA/DN		
6	Doanh thu của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong kỳ báo cáo	Tỷ đồng		
7	Lao động làm việc thường xuyên tại dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật	Người		
8	Số nộp-Ngân sách nhà nước của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong kỳ báo cáo	Tỷ đồng		
9	Thu nhập bình quân người lao động của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong kỳ báo cáo	Triệu đồng/người/tháng		
10	Số công trình xử lý nước thải chung của cụm đã đi vào hoạt động thường xuyên	Công trình		

..., ngày ... tháng ... năm...
Người đại diện theo pháp luật
 (ký tên, đóng dấu)

Biểu 03. Tổng hợp tình hình cụm công nghiệp trên địa bàn cấp huyện

Đơn vị gửi báo cáo: Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

Đơn vị nhận báo cáo: Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện

Kỳ báo cáo: 6 tháng và cả năm

Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 25 của tháng đầu tiên sau kỳ báo cáo.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
A	B	C	(1)	(2)
I	Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp			
1	Số lượng cụm công nghiệp theo quy hoạch	Cụm		
2	Tổng diện tích cụm công nghiệp theo quy hoạch	Ha		
3	Số lượng cụm công nghiệp bổ sung quy hoạch trong kỳ báo cáo	Cụm		
4	Tổng diện tích các cụm công nghiệp bổ sung quy hoạch trong kỳ báo cáo	Ha		
5	Số lượng cụm công nghiệp rút ra khỏi quy hoạch trong kỳ báo cáo	Cụm		
6	Tổng diện tích các cụm công nghiệp rút ra khỏi quy hoạch trong kỳ báo cáo	Ha		
7	Số lượng cụm công nghiệp điều chỉnh diện tích quy hoạch trong kỳ báo cáo	Cụm		
8	Tổng diện tích các cụm công nghiệp sau điều chỉnh quy hoạch trong kỳ báo cáo	Ha		
II	Thành lập, đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp			
9	Số lượng cụm công nghiệp đã thành lập	Cụm		
10	Tổng diện tích các cụm công nghiệp đã thành lập	Ha		
11	Số lượng cụm công nghiệp do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hạ tầng	Cụm		
12	Tổng diện tích các cụm công nghiệp do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hạ tầng	Ha		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
A	B	C	(1)	(2)
13	Số lượng cụm công nghiệp do Trung tâm phát triển cụm công nghiệp cấp huyện làm chủ đầu tư hạ tầng	Cụm		
14	Tổng diện tích các cụm công nghiệp do Trung tâm phát triển cụm công nghiệp cấp huyện làm chủ đầu tư hạ tầng	Ha		
15	Số lượng cụm công nghiệp do Ban quản lý cụm công nghiệp cấp huyện làm chủ đầu tư hạ tầng	Cụm		
16	Tổng diện tích các cụm công nghiệp do Ban quản lý cụm công nghiệp cấp huyện làm chủ đầu tư hạ tầng	Ha		
17	Số lượng cụm công nghiệp do đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương làm chủ đầu tư hạ tầng	Cụm		
18	Tổng diện tích các cụm công nghiệp do đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương làm chủ đầu tư hạ tầng	Ha		
19	Số lượng cụm công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết	Cụm		
20	Tổng diện tích các cụm công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết	Ha		
21	Số lượng cụm công nghiệp đã được phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng	Cụm		
22	Tổng diện tích các cụm công nghiệp đã được phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng	Ha		
23	Tổng vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật của các cụm công nghiệp (tính theo dự án được phê duyệt)	Tỷ đồng		
24	Tổng vốn đã đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật của các cụm công nghiệp	Tỷ đồng		
III	Hoạt động của các cụm công nghiệp			
25	Số lượng các cụm công nghiệp đi vào hoạt động	Cụm		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
A	B	C	(1)	(2)
26	Tổng diện tích các cụm công nghiệp đi vào hoạt động	Ha		
27	Tổng diện tích đất công nghiệp của các cụm công nghiệp đi vào hoạt động (tính theo quy hoạch chi tiết đã được duyệt)	Ha		
28	Tổng diện tích đất công nghiệp đã cho thuê tại các cụm công nghiệp	Ha		
29	Tỷ lệ lấp đầy bình quân của các cụm công nghiệp đi vào hoạt động	%		
30	Tổng số dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp	DA		
31	Tổng số vốn đăng ký của các dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp	Tỷ đồng		
32	Tổng doanh thu của các dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp trong kỳ báo cáo	Tỷ đồng		
33	Tổng số người lao động làm việc trong các cụm công nghiệp	Người		
34	Nộp ngân sách nhà nước của các cụm công nghiệp trong kỳ báo cáo	Tỷ đồng		
35	Số cụm công nghiệp có công trình xử lý nước thải chung đã đi vào hoạt động	Cụm		

..., ngày ... tháng... năm ...

**Trưởng phòng chuyên môn quản lý công
thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện**
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu 04. Tổng hợp tình hình cụm công nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh

Đơn vị gửi báo cáo: Sở Công Thương

Đơn vị nhận báo cáo: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cục Công Thương địa phương

Kỳ báo cáo: 6 tháng và cả năm

Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 31 của tháng đầu tiên sau kỳ báo cáo.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
A	B	C	(1)	(2)
I	Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp			
1	Số lượng cụm công nghiệp theo quy hoạch	Cụm		
2	Tổng diện tích cụm công nghiệp theo quy hoạch	Ha		
3	Số lượng cụm công nghiệp bổ sung quy hoạch trong kỳ báo cáo	Cụm		
4	Tổng diện tích các cụm công nghiệp bổ sung quy hoạch trong kỳ báo cáo	Ha		
5	Số lượng cụm công nghiệp rút ra khỏi quy hoạch trong kỳ báo cáo	Cụm		
6	Tổng diện tích các cụm công nghiệp rút ra khỏi quy hoạch trong kỳ báo cáo	Ha		
7	Số lượng cụm công nghiệp điều chỉnh diện tích quy hoạch trong kỳ báo cáo	Cụm		
8	Tổng diện tích các cụm công nghiệp sau điều chỉnh quy hoạch trong kỳ báo cáo	Ha		
II	Thành lập, đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp			
9	Số lượng cụm công nghiệp đã thành lập	Cụm		
10	Tổng diện tích các cụm công nghiệp đã thành lập	Ha		
11	Số lượng cụm công nghiệp do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hạ tầng	Cụm		
12	Tổng diện tích các cụm công nghiệp do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hạ tầng	Ha		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	(1)	(2)
13	Số lượng cụm công nghiệp do Trung tâm phát triển cụm công nghiệp cấp huyện làm chủ đầu tư hạ tầng	Cụm		
14	Tổng diện tích các cụm công nghiệp do Trung tâm phát triển cụm công nghiệp cấp huyện làm chủ đầu tư hạ tầng	Ha		
15	Số lượng cụm công nghiệp do Ban quản lý cụm công nghiệp cấp huyện làm chủ đầu tư hạ tầng	Cụm		
16	Tổng diện tích các cụm công nghiệp do Ban quản lý cụm công nghiệp cấp huyện làm chủ đầu tư hạ tầng	Ha		
17	Số lượng cụm công nghiệp do đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương làm chủ đầu tư hạ tầng	Cụm		
18	Tổng diện tích các cụm công nghiệp do đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương làm chủ đầu tư hạ tầng	Ha		
19	Số lượng cụm công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết	Cụm		
20	Tổng diện tích các cụm công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết	Ha		
21	Số lượng cụm công nghiệp đã được phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng	Cụm		
22	Tổng diện tích các cụm công nghiệp đã được phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng	Ha		
23	Tổng vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật của các cụm công nghiệp (tính theo dự án được phê duyệt)	Tỷ đồng		
24	Tổng vốn đã đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật của các cụm công nghiệp	Tỷ đồng		
III	Hoạt động của các cụm công nghiệp			
25	Số lượng các cụm công nghiệp đi vào hoạt động	Cụm		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
A	B	C	(1)	(2)
26	Tổng diện tích các cụm công nghiệp đi vào hoạt động	Ha		
27	Tổng diện tích đất công nghiệp của các cụm công nghiệp đi vào hoạt động (tính theo quy hoạch chi tiết đã được duyệt)	Ha		
28	Tổng diện tích đất công nghiệp đã cho thuê tại các cụm công nghiệp	Ha		
29	Tỷ lệ lấp đầy bình quân của các cụm công nghiệp đi vào hoạt động	%		
30	Tổng số dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp	DA		
31	Tổng số vốn đăng ký của các dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp	Tỷ đồng		
32	Tổng doanh thu của các dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp trong kỳ báo cáo	Tỷ đồng		
33	Tổng số người lao động làm việc trong các cụm công nghiệp	Người		
34	Nộp ngân sách nhà nước của các cụm công nghiệp trong kỳ báo cáo	Tỷ đồng		
35	Số cụm công nghiệp có công trình xử lý nước thải chung đã đi vào hoạt động	Cụm		

..., ngày ... tháng... năm ...
Giám đốc Sở Công Thương
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 2. Danh mục các mẫu văn bản, quy chế quản lý về cụm công nghiệp
(Kèm theo Thông tư số 15 /2017/TT-BCT ngày 31 / 8 /2017 của Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP)

Mẫu 01	Quyết định phê duyệt đề cương, dự toán kinh phí lập Quy hoạch
Mẫu 02	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Quy hoạch
Mẫu 03	Phiếu đánh giá của thành viên Hội đồng thẩm định Quy hoạch
Mẫu 04	Báo cáo thẩm định Quy hoạch
Mẫu 05	Quyết định phê duyệt Quy hoạch
Mẫu 06	Tờ trình về việc bổ sung, điều chỉnh cụm công nghiệp ra khỏi Quy hoạch
Mẫu 07	Báo cáo bổ sung, điều chỉnh cụm công nghiệp ra khỏi Quy hoạch
Mẫu 08	Báo cáo thẩm định bổ sung, điều chỉnh cụm công nghiệp ra khỏi Quy hoạch
Mẫu 09	Quyết định phê duyệt bổ sung, điều chỉnh cụm công nghiệp ra khỏi Quy hoạch
Mẫu 10	Tờ trình về việc thành lập/mở rộng cụm công nghiệp
Mẫu 11	Đơn đăng ký làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp
Mẫu 12	Báo cáo đầu tư thành lập/mở rộng cụm công nghiệp
Mẫu 13	Báo cáo thẩm định thành lập/mở rộng cụm công nghiệp
Mẫu 14	Quyết định thành lập/mở rộng cụm công nghiệp
Mẫu 15	Quyết định ban hành Quy chế phối hợp giữa các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện về quản lý cụm công nghiệp
Mẫu 16	Quyết định ban hành Quy chế cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng tiện ích trong cụm công nghiệp

**ỦY BAN NHÂN DÂN
CẤP TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-UBND

....., ngày tháng..... năm

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt đề cương và dự toán kinh phí lập Quy hoạch ...

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ kết quả thẩm định đề cương và dự toán kinh phí lập Quy hoạch ...;

Xét đề nghị của,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề cương và dự toán kinh phí lập Quy hoạch ... với các nội dung chủ yếu sau: *(Tên Quy hoạch; cơ quan/đơn vị chủ trì lập Quy hoạch; mục tiêu, yêu cầu của Quy hoạch; phạm vi, thời kỳ lập Quy hoạch; nhiệm vụ của Quy hoạch; sản phẩm của lập Quy hoạch, bao gồm báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt, hệ thống bản đồ...; dự toán kinh phí thực hiện; tiến độ thực hiện)*

(Đề cương và dự toán kinh phí lập Quy hoạch gửi kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan thi hành Quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: ...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

(Ký tên, đóng dấu)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
CẤP TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Hội đồng thẩm định Quy hoạch ...

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Xét đề nghị của ...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định Quy hoạch ... gồm các ông (bà) có tên dưới đây (ghi rõ họ tên, cơ quan công tác, chức vụ, chức danh trong Hội đồng):

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan, ban, ngành liên quan; các ông/bà có tên tại Điều 1 về thi hành quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- ...

- Lưu: VT,....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH QUY Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
HOẠCH ...

....., ngày tháng năm

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
Của thành viên Hội đồng thẩm định Quy hoạch ...

Họ và tên người đánh giá:

Chức vụ:

Chức danh trong Hội đồng:

Ý KIẾN BIỂU QUYẾT ĐÁNH GIÁ

1. Nhất trí thông qua Quy hoạch không cần chỉnh sửa bổ sung:

2. Thông qua Quy hoạch với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung:

Các yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung:

.....

3. Không thông qua Quy hoạch:

Lý do không thông qua:

.....

4. Kiến nghị đối với các cơ quan có liên quan, đơn vị tư vấn lập Quy hoạch, đơn vị thường trực thẩm định Quy hoạch và Người phê duyệt Quy hoạch (nếu có):

.....

NGƯỜI BIỂU QUYẾT ĐÁNH GIÁ

(Ký và ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH QUY
HOẠCH ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO
Thẩm định Quy hoạch ...

I. Phần chung (Giới thiệu tóm tắt về căn cứ thẩm định Quy hoạch và quá trình triển khai công tác thẩm định)

II. Tính pháp lý của hồ sơ Quy hoạch

1. Nhận xét về hồ sơ trình thẩm định Quy hoạch
2. Tính pháp lý của hồ sơ Quy hoạch

III. Tóm tắt nội dung Quy hoạch

IV. Tóm tắt ý kiến thẩm định của các thành viên Hội đồng và các cơ quan, đơn vị có liên quan

V. Nhận xét, đánh giá của Hội đồng thẩm định

1. Về cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học, độ tin cậy của các số liệu sử dụng để lập Quy hoạch
2. Sự phù hợp của Quy hoạch với các chủ trương, chính sách của Nhà nước về quản lý và phát triển cụm công nghiệp
3. Sự phù hợp của Quy hoạch với Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; Quy hoạch phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; Quy hoạch sử dụng đất; Quy hoạch xây dựng và Quy hoạch các ngành, lĩnh vực, sản phẩm có liên quan khác trên địa bàn
4. Về các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu của Quy hoạch
5. Về các giải pháp, tính khả thi của việc thực hiện Quy hoạch

VI. Kết luận của Hội đồng

1. Kết quả bỏ phiếu (Biên bản kiểm phiếu đánh giá Quy hoạch kèm theo)
2. Kết luận chung

Nơi nhận:

- UBND cấp tỉnh;
- ...
- Lưu:

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
CẤP TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch ...

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Văn bản số /BCT-CNĐP ngày ... tháng ... năm 20... của Bộ Công Thương về việc thỏa thuận Quy hoạch ...;

Xét đề nghị của ...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch ... với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển
2. Mục tiêu phát triển (mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể)
3. Nội dung Quy hoạch

(Kèm theo Danh mục quy hoạch các cụm công nghiệp, trong đó có tên, địa điểm, diện tích, dự kiến ngành nghề, tổng mức đầu tư hạ tầng của từng cụm công nghiệp)

4. Các giải pháp thực hiện Quy hoạch

Điều 2. Tổ chức thực hiện Quy hoạch

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành, thay thế Quyết định số ... (trường hợp điều chỉnh quy hoạch tổng thể). Trách nhiệm của các cơ quan liên quan thi hành quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- ...;
- Lưu: VT,

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN
CẤP HUYỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTTr-UBND

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Về việc bổ sung/điều chỉnh cụm công nghiệp ra khỏi Quy hoạch

Kính gửi: Ủy ban nhân dân ... (cấp tỉnh) ...

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ ...;

Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt bổ sung/điều chỉnh cụm công nghiệp ... ra khỏi Quy hoạch ... trên địa bàn như sau:

- 1. Sự cần thiết bổ sung/điều chỉnh cụm công nghiệp ra khỏi Quy hoạch**
- 2. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện bổ sung/điều chỉnh cụm công nghiệp ra khỏi Quy hoạch**
- 3. Tóm tắt nội dung bổ sung/điều chỉnh cụm công nghiệp ra khỏi Quy hoạch**
- 4. Đề xuất, kiến nghị**

(Kèm theo: Báo cáo bổ sung/điều chỉnh rút cụm công nghiệp ra khỏi Quy hoạch; văn bản, tài liệu có liên quan).

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: VT,

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN
CẤP HUYỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-UBND

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Bổ sung/điều chỉnh cụm công nghiệp ra khỏi Quy hoạch

1. Căn cứ pháp lý, sự cần thiết bổ sung/điều chỉnh cụm công nghiệp ra khỏi Quy hoạch

2. Giải trình đáp ứng các điều kiện bổ sung/điều chỉnh cụm công nghiệp ra khỏi Quy hoạch

3. Nhu cầu mặt bằng sản xuất dự kiến thu hút đầu tư, di dời vào cụm công nghiệp (đối với cụm công nghiệp dự kiến bổ sung)/ Đánh giá hiện trạng, hiệu quả đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đối với cụm công nghiệp dự kiến điều chỉnh rút khỏi Quy hoạch)

4. Nội dung bổ sung/điều chỉnh ra khỏi Quy hoạch

- Đối với cụm công nghiệp dự kiến bổ sung (Phương án bổ sung Quy hoạch: tên gọi, địa điểm, diện tích, hiện trạng sử dụng đất, ngành nghề hoạt động, tiến độ đầu tư hạ tầng, khả năng kết nối với hạ tầng bên ngoài, tư cách pháp nhân, năng lực của chủ đầu tư, nguồn vốn, giải pháp huy động vốn, phương án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và quản lý cụm công nghiệp sau khi được bổ sung).

- Đối với cụm công nghiệp dự kiến điều chỉnh ra khỏi Quy hoạch (Tên gọi, địa điểm, diện tích, hiện trạng đầu tư xây dựng hạ tầng và thu hút đầu tư; Phương án chuyển đổi mục đích sử dụng đất sau khi điều chỉnh rút khỏi Quy hoạch).

5. Đề xuất, kiến nghị (nếu có)

Nơi nhận:

- UBND cấp tỉnh;
-;
- Lưu: VT,

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ CÔNG THƯƠNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-...

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
Bổ sung/điều chỉnh cụm công nghiệp ra khỏi Quy hoạch

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số .../201.../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 201... của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý nhà nước về cụm công nghiệp trên địa bàn;

Sau khi xem xét đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Công Thương báo cáo kết quả thẩm định bổ sung/điều chỉnh ra khỏi Quy hoạch đối với cụm công nghiệp... như sau:

I. Thông tin cụm công nghiệp đề nghị bổ sung/ điều chỉnh ra khỏi Quy hoạch

- Tên gọi, địa điểm, diện tích, hiện trạng sử dụng đất, tên chủ đầu tư dự kiến, ngành nghề trong cụm công nghiệp (đối với cụm công nghiệp dự kiến bổ sung vào Quy hoạch).

- Tên gọi, địa điểm, diện tích, hiện trạng đầu tư xây dựng hạ tầng và thu hút đầu tư (đối với cụm công nghiệp dự kiến điều chỉnh ra khỏi Quy hoạch).

II. Kết quả thẩm định

1. Tóm tắt ý kiến thẩm định của các sở, ngành

2. Ý kiến của Sở Công Thương

2.1. Tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ bổ sung/điều chỉnh ra khỏi Quy hoạch

2.2. Nội dung, tính khả thi của Báo cáo bổ sung/điều chỉnh ra khỏi Quy hoạch (Sự cần thiết; việc đáp ứng các điều kiện bổ sung/điều chỉnh rút khỏi Quy hoạch; hiệu quả, tính khả thi của phương án hoặc giải pháp bổ sung, điều chỉnh cụm công nghiệp ra khỏi Quy hoạch, ...)

III. Một số nội dung còn ý kiến khác nhau, đề xuất/kiến nghị

Nơi nhận:

- UBND cấp tỉnh;

-;

- Lưu: VT,

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN
CẤP TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung/điều chỉnh cụm công nghiệp ra khỏi Quy hoạch

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Văn bản số .../BCT-... ngày ... tháng ... năm 20... của Bộ Công Thương về việc thỏa thuận bổ sung/điều chỉnh cụm công nghiệp ra khỏi Quy hoạch;

Xét đề nghị của ...,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt bổ sung/điều chỉnh cụm công nghiệp ra khỏi Quy hoạch với các nội dung sau:

- Đối với bổ sung vào Quy hoạch: Tên cụm công nghiệp, diện tích, địa điểm; ngành nghề thu hút đầu tư;

- Đối với điều chỉnh ra khỏi Quy hoạch: Tên cụm công nghiệp, diện tích, địa điểm.

Điều 2. ...

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan thi hành quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
-;
- Lưu: VT,...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
(Ký tên, đóng dấu)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
CẤP HUYỆN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/TTTr-UBND

....., ngày ... tháng ... năm

TỜ TRÌNH
Về việc thành lập/mở rộng cụm công nghiệp

Kính gửi: Ủy ban nhân dân ... (cấp tỉnh) ...

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số .../20.../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 20... của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ...(cấp tỉnh)... về việc phê duyệt Quy hoạch/bổ sung vào Quy hoạch....;

Ủy ban nhân dân ...(cấp huyện)... đề nghị Ủy ban nhân dân ...(cấp tỉnh)... phê duyệt thành lập/mở rộng cụm công nghiệp ... như sau:

- 1. Sự cần thiết thành lập/mở rộng cụm công nghiệp**
- 2. Giải trình đáp ứng các điều kiện thành lập/mở rộng cụm công nghiệp**
- 3. Đề nghị thành lập/mở rộng cụm công nghiệp với các nội dung chính (tên gọi, diện tích, địa điểm, ngành nghề hoạt động chủ yếu, chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, quy mô đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, tổng mức vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn đầu tư, tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, ...).**
- 4. Đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư**
- 5. Đề xuất, kiến nghị khác**

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: VT,....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
(Ký tên, đóng dấu)

**Đơn vị đăng ký chủ
đầu tư hạ tầng**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

**ĐƠN ĐĂNG KÝ
Chủ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân ...(cấp tỉnh)...

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số .../20.../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 20... của Ủy ban nhân dân ...(cấp tỉnh)... về việc phê duyệt Quy hoạch/bổ sung vào Quy hoạch...;

Căn cứ năng lực tài chính, năng lực kinh nghiệm đã thực hiện các dự án đầu tư (nếu có) của đơn vị;

...(Tên đơn vị)... đăng ký làm chủ đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp ... với các thông tin chính như sau:

I. Thông tin đơn vị đăng ký làm chủ đầu tư

1. Tên đơn vị:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:; Fax:; Email:
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: do cấp ngày
5. Ngành nghề kinh doanh:
6. Người đại diện theo pháp luật:
7. Chức danh:
8. Vốn pháp định:
9. Vốn điều lệ:

II. Thông tin dự án đăng ký làm chủ đầu tư

1. Tên dự án:
2. Địa chỉ dự án:
3. Tổng mức đầu tư tạm tính của dự án:
4. Tiến độ đầu tư:
5. Các đề xuất khác:

III. Hồ sơ kèm theo

- Báo cáo đầu tư thành lập/mở rộng cụm công nghiệp;
- Bản sao giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu minh chứng tư cách pháp nhân của chủ đầu tư;
- Bản sao: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của chủ đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của chủ đầu tư; năng lực kinh nghiệm đã thực hiện các dự án tương tự (nếu có) của chủ đầu tư.

Đơn vị cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung đơn đăng ký này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND cấp huyện;
- Lưu:

Người đại diện theo pháp luật

(Ký tên, đóng dấu)

**Tên đơn vị đăng ký
làm chủ đầu tư**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../BC-...

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO
Đầu tư thành lập/mở rộng cụm công nghiệp

1. Căn cứ pháp lý, sự cần thiết đầu tư, thành lập/mở rộng cụm công nghiệp.
2. Đánh giá sự phù hợp, đáp ứng các điều kiện thành lập/mở rộng cụm công nghiệp; tác động của các khu công nghiệp trên địa bàn ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư, tỷ lệ lấp đầy của cụm công nghiệp.
3. Hiện trạng sử dụng đất, định hướng bố trí các ngành, nghề có tính liên kết, hỗ trợ trong sản xuất; cơ cấu sử dụng đất và dự kiến thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp; đánh giá khả năng đầu tư hạ tầng kỹ thuật bên trong và ngoài cụm công nghiệp.
4. Xác định mục tiêu, diện tích, địa điểm, phạm vi đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật; phân tích, lựa chọn phương án đầu tư xây dựng hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật; phương án giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư (nếu có); tiến độ thực hiện dự án phù hợp với thực tế và khả năng huy động các nguồn lực; kế hoạch, tiến độ thu hút đầu tư, di dời và tỷ lệ lấp đầy của cụm công nghiệp.
5. Đánh giá năng lực, tư cách pháp lý của chủ đầu tư; dự kiến tổng mức đầu tư, cơ cấu, khả năng cân đối, huy động các nguồn vốn đầu tư (trong đó có nguồn vốn đầu tư công nếu có) để thực hiện dự án.
6. Chi phí duy tu bảo dưỡng, vận hành hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật, các chi phí liên quan khác; phương thức quản lý, khai thác sử dụng sau khi đi vào hoạt động.
7. Đánh giá hiện trạng môi trường, công tác quản lý môi trường, khả năng tiếp nhận chất thải xung quanh khu vực dự kiến thành lập/mở rộng cụm công nghiệp; dự báo những nguồn thải, tác động môi trường của các ngành, nghề dự kiến thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp và phương án quản lý môi trường.
8. Phân tích, đánh giá sơ bộ hiệu quả về kinh tế, xã hội của cụm công nghiệp; các giải pháp tổ chức thực hiện.
9. Đề xuất, kiến nghị (nếu có).

Nơi nhận:

- UBND cấp tỉnh;
- UBND cấp huyện;
- Lưu: ...

Người đại diện theo pháp luật
(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-SCT

....., ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp

I. Căn cứ thẩm định

- Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

- Quyết định số .../201.../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 201... của Ủy ban nhân dân ... (cấp tỉnh) ... về việc ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn;

- Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... /... năm... của Ủy ban nhân dân ... (cấp huyện) ... kèm theo hồ sơ thành lập/mở rộng cụm công nghiệp;

II. Tóm tắt nội dung đề nghị thành lập/mở rộng cụm công nghiệp (tên gọi; địa điểm; diện tích; ngành nghề hoạt động chủ yếu; tên chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật; quy mô đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, tổng mức vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn đầu tư; tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, thời gian hoạt động của dự án; các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng)

III. Kết quả thẩm định

1. Tóm tắt ý kiến thẩm định của các sở, ngành

2. Ý kiến thẩm định của Sở Công Thương

a) Tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ thành lập/mở rộng cụm công nghiệp.

b) Khả năng đáp ứng các điều kiện thành lập/mở rộng cụm công nghiệp.

c) Nội dung, tính khả thi của Báo cáo đầu tư thành lập/mở rộng cụm công nghiệp.

d) Về một số ưu đãi đầu tư đối với cụm công nghiệp.

III. Một số nội dung còn có ý kiến khác nhau (nếu có)

IV. Đề xuất/kiến nghị (nếu có)

Nơi nhận:

- UBND cấp tỉnh;
- ...;
- Lưu: VT,

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN
CẤP TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-UB

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập/mở rộng cụm công nghiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số /2017/TT-BCT ngày ... tháng ... năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-... ngày ... tháng ... năm 20... của Ủy ban nhân dân ...(cấp tỉnh)... về việc phê duyệt Quy hoạch/bổ sung vào Quy hoạch...;

Xét đề nghị của ...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp với các nội dung chủ yếu sau (*Tên cụm công nghiệp; địa điểm; diện tích; ngành nghề hoạt động; chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật; quy mô đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, tổng mức vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn đầu tư; tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật*).

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan thi hành quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- ...;
- Lưu: VT,

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
(Ký tên, đóng dấu)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
CẤP TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-UBND

....., ngày tháng năm 20....

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp
trên địa bàn**

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

*Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của
Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số .../TTr-SCT
ngày .. tháng ... năm 20...,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý
cụm công nghiệp trên địa bàn.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan thi hành quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- ...;
- Lưu:

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
(Ký tên, đóng dấu)

QUY CHẾ

Phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../20.../QĐ-UBND ngày ... /... /... của...)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Nguyên tắc và phương thức phối hợp

Chương II

**NỘI DUNG QUẢN LÝ CỤM CÔNG NGHIỆP VÀ TRÁCH NHIỆM
CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN**

Điều 4. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách về cụm công nghiệp

(Nội dung cụ thể; trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp)

Điều 5. Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp

(Nội dung, hồ sơ, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và công bố Quy hoạch; trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp)

Điều 6. Bổ sung, điều chỉnh rút cụm công nghiệp ra khỏi Quy hoạch

(Nội dung, hồ sơ, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt; trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp)

Điều 7. Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

(Nội dung, hồ sơ, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt; trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp)

Điều 8. Quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp

(Nội dung, hồ sơ, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và công bố quy hoạch chi tiết; trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp)

Điều 9. Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp

(Nội dung, hồ sơ, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt dự án; trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp)

Điều 10. Lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

(Nội dung, hồ sơ, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt; trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp)

Điều 11. Thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

(Nội dung cụ thể; trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp)

Điều 12. Tiếp nhận, triển khai dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp

(Quy định các nội dung, thủ tục cụ thể để doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp như: Quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thu hồi đất, cho thuê đất nếu có, cấp giấy phép xây dựng, chấp thuận phương án phòng cháy, chữa cháy, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường/phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, ...; trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các cơ quan liên quan)

Điều 13. Quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích

(Cụ thể các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp; trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, trách nhiệm của các doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp và các cơ quan liên quan)

Điều 14. Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác thông tin báo cáo

(Các nội dung về hoạt động sản xuất kinh doanh cần quản lý; công tác thông tin báo cáo; trách nhiệm của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các cơ quan liên quan)

Điều 15. Công tác thanh tra, kiểm tra

(Nội dung cụ thể; trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp)

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Khen thưởng, xử lý vi phạm

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

Điều 18. Tổ chức thực hiện

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

(Ký tên, đóng dấu)

Tên chủ đầu tư xây dựng
hạ tầng kỹ thuật cụm
công nghiệp

Số: .../QĐ-...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 20... của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc thành lập cụm công nghiệp....;

Trên cơ sở ý kiến của các doanh nghiệp tại cuộc họp ngày ... /.../20... về việc cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp ...;

Theo đề nghị của ...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp ...

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các đơn vị, doanh nghiệp trong cụm công nghiệp ... và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Công Thương;
- UBND cấp huyện;
- ...;
- Lưu: VT,...

Người đại diện theo pháp luật
(Ký tên, đóng dấu)

**Tên chủ đầu tư xây dựng
hạ tầng kỹ thuật cụm
công nghiệp**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp
(Ban hành kèm theo Quyết định số ... ngày ... /.../20 ... của ...)

Chương 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

Chương 2

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG VÀ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 4. Quyền của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

(Quy định các quyền cụ thể nhưng phải phù hợp Điều 20 của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và quy định của pháp luật)

Điều 5. Nghĩa vụ của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

(Quy định các nghĩa vụ cụ thể nhưng phải phù hợp Điều 21 của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và quy định của pháp luật)

Điều 6. Quyền của tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp

(Quy định các quyền cụ thể nhưng phải phù hợp Điều 24 của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và quy định của pháp luật)

Điều 7. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp

(Quy định các nghĩa vụ cụ thể nhưng phải phù hợp Điều 25 của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và quy định của pháp luật).

Chương 3

QUY ĐỊNH VỀ CUNG CẤP, SỬ DỤNG CÁC DỊCH VỤ CÔNG CỘNG, TIỆN ÍCH TRONG CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 8. Bảo vệ, an ninh trật tự

(Nội dung cụ thể; quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư, doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm và của cán bộ, công nhân, khách ra vào cụm công nghiệp)

Điều 9. Hệ thống thông tin liên lạc

(Nội dung cụ thể; quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư, doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp)

Điều 10. Cấp nước sạch

(Nội dung cụ thể; quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư, doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp)

Điều 11. Bảo vệ môi trường

(Nội dung cụ thể như: Thoát nước, vệ sinh môi trường, xử lý nước thải, chất thải, trồng và chăm sóc cây xanh, ...; quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư, doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp)

Điều 12. Công tác phòng cháy, chữa cháy

(Nội dung cụ thể; quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư, doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm và của tổ chức, cá nhân liên quan)

Điều 13. Cung cấp điện

(Nội dung cụ thể; quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư, doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp)

Điều 14. Duy tu, bảo dưỡng, khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

(Nội dung cụ thể; quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư, doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp)

Điều 15. Các dịch vụ khác

(Các dịch vụ cụ thể như: nhà ở công nhân, nhà chuyên gia, cung cấp bữa ăn công nghiệp, xe đưa đón công nhân, vận chuyển hàng hóa, dịch vụ sửa chữa điện, nước, công trình công cộng, thủ tục khai báo xuất nhập khẩu hàng hóa, kho ngoại quan, đào tạo và cung ứng lao động kỹ thuật, ...; quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư, doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm và của tổ chức, cá nhân liên quan)

Chương 4

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Xử lý vi phạm

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Người đại diện theo pháp luật

(Ký tên, đóng dấu)